

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 8 - 2025

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nguyên Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Khanh.
2. Ông Nguyễn Minh Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không tham dự.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2025/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Thạch Thị N**, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ A, ấp P, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. (Nay là Tổ A, ấp P, phường Đ, tỉnh Vĩnh Long).

2. Bị đơn: Anh **Sơn H**, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ A, ấp H, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. (Nay là Tổ A, ấp H, phường Đ, tỉnh Vĩnh Long).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và bản tự khai đề cùng ngày 03/6/2025 của nguyên đơn chị Thạch Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị Thạch Thị N và anh Sơn H qua quen biết tìm hiểu nhau rồi tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 29/7/2014 tại Ủy ban nhân

dân xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường Đ, tỉnh Vĩnh Long) được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại ấp P, phường Đ. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng về sau này thì phát sinh mâu thuẫn do anh H thay đổi tính tình thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, mỗi khi có uống rượu thì đánh đập vợ con vô cớ, mặc dù chị đã có khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh H không sửa đổi dẫn đến chị phải bỏ nhà đi một thời gian để anh H có thời suy nghĩ lại. Tuy nhiên, anh H vẫn chưa thay đổi được và tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách hơn, hiện nay thì vợ chồng sống ly thân đã hơn 03 năm nhưng vẫn chưa đoàn tụ được. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không được nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng chung sống với nhau có 02 con chung là Sơn Thị N1, sinh ngày 09/8/2010 và Sơn M, sinh ngày 09/8/2014. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con và không đặt ra yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Không tranh chấp nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong bản tự khai của em Sơn Thị N1 và Sơn M đề cùng ngày 03/6/2025 trình bày:

Sơn Thị N1 và Sơn M là con ruột của anh Sơn H và chị Thạch Thị N. Cả hai em đều biết sự việc cha, mẹ có làm thủ tục ly hôn tại Tòa án. Trường hợp cha mẹ có ly hôn thì cả hai em đều có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với mẹ. Vì lý do bận học nên xin vắng mặt không tham gia các buổi làm việc theo yêu cầu của Tòa án.

- Tại phiên tòa: Chị Thạch Thị N không có bổ sung tài liệu, chứng cứ mới và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ việc cho đến hiện nay thì bị đơn cư trú tại xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường Đ, tỉnh Vĩnh Long) nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) quy định tại Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH25 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) không tham gia phiên tòa do không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hơn nữa, bị đơn không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị N và anh Sơn H tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 29/7/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường Đ, tỉnh Vĩnh Long) được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Chị N cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do anh H thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, đánh đập vợ con vô cớ dẫn đến vợ chồng sống ly thân đã hơn 03 năm nay nhưng vẫn chưa đoàn tụ được.

Tòa án đã tổng hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H, trong đó thể hiện toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của chị N. Tuy nhiên, đến thời điểm mở phiên tòa hôm nay thì anh H vẫn chưa có ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị N và chưa nộp các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Thực tế cho thấy, chị N không còn chung sống với anh H trong thời gian dài, mỗi người có cuộc sống riêng, không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau dẫn đến hôn nhân giữa chị N và anh H lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu của chị N xin ly hôn với anh H là có cơ sở và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Thạch Thị N và anh Sơn H có 02 con chung là Sơn Thị N1, sinh ngày 09/8/2010 và Sơn M, sinh ngày 09/8/2014 hiện nay đang sống chung với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con.

Xét thấy, 02 con chung đang chung sống với chị N vẫn đảm bảo ổn định về việc học hành, về chỗ ở cũng như môi trường sống, cả 02 con đều có nguyện vọng tiếp tục chung sống với chị N. Do đó, xét yêu cầu của chị N được tiếp tục nuôi 02 con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thạch Thị N không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Thạch Thị N là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn nộp tiền án phí quy định tại khoản đ khoản

1 Điều 12 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị N.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị N được ly hôn với anh Sơn H.

1.2. Về con chung: Giao 02 con chung là Sơn Thị N1, sinh ngày 09/8/2010 và Sơn M, sinh ngày 09/8/2014 cho chị Thạch Thị N tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Sơn H chưa phải cấp dưỡng cho con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thạch Thị N không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Miễn nộp tiền cho chị Thạch Thị N.

3. Về thời hạn kháng cáo: Chị Thạch Thị N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Sơn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KV3 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS KV3 – Vĩnh Long;
- UBND phường Đông Thành;
- Các đ/s;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nguyên Khoa